

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter of New Hampshire Health Families, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1_A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1_B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Bộ phận Dịch Vụ sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết để giải quyết các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đòi hỏi.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đòi hỏi cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đòi hỏi cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đòi hỏi trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đòi hỏi.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	3	PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); PA
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS	4	QL(2 ea daily); PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
Gold Compounds		
RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
<i>etodolac CAPS</i>	1	
<i>etodolac TABS</i>	1	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indomethacin CPR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen.; QL(5 ea daily); PA
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBP</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>diflunisal TABS</i>	1	
<i>salsalate</i>	1	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CODEINE SULFATE TABS	1	New starts limited to 7 day supply
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1	
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1	
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>methadone hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	QL(100 ml daily)
<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	QL(50 ml daily)
<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1	
METHADONE HCL SOLN IJ	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(10 ea daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA
Opioid Combinations		
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	QL(2 gm daily)
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	QL(2 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTIANSIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buspirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 gm daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)</i>	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 gm daily)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
QVAR REDHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Sympathomimetics		
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1	
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)
BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill
DULERA	2	
<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone-salmeterol</i> AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>fluticasone-salmeterol</i> AERO	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>formoterol fumarate</i> NEBU	1	QL(4 ml daily)
<i>ipratropium-albuterol</i> SOLN	1	QL(18 ml daily)
<i>levalbuterol hcl</i> 1.25 MG/0.5ML	1	
<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ml daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
STRIVERDI RESPIMAT	2	
<i>terbutaline sulfate</i> SOLN	1	
<i>terbutaline sulfate</i> TABS	1	
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Xanthines		
<i>aminophylline</i> SOLN	1	
<i>theophylline</i> ELIX	1	
<i>theophylline</i> SOLN	1	QL(56 ml daily)
<i>theophylline</i> TB12	1	
<i>theophylline</i> TB24	1	

ANTICOAGULANTS - Blood Thinners

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium</i> TABS	1	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2.47 ea daily)
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium</i> SOLN IJ 300 MG/3ML	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	4	QL(1.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 60 MG/0.6ML	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 30 MG/0.3ML	4	QL(0.6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit)
<i>enoxaparin sodium</i> SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	4	QL(2 ml daily)
<i>fondaparinux sodium</i> 5 MG/0.4ML	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium</i> 2.5 MG/0.5ML	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail)
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail)
FRAGMIN SOSY	4	PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG</i>	1	
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG</i>	1	
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
Anticonvulsants - Misc.		
APTIOM	3	QL(2 ea daily); PA
BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine CHEW</i>	1	
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1	
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1	
<i>carbamazepine TABS</i>	1	
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin CAPS</i>	1		TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1		<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lacosamide SOLN OR 10 MG/ML</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1		<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)	Carbamates		
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	GABA Modulators		
<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1	
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); PA
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); PA
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	Hydantoins		
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	DILANTIN	2	
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1		DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
			<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
			<i>phenytoin CHEW</i>	1	
			<i>phenytoin SUSP</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Succinimides		
CELONTIN (methsuximide)	3	QL(4 ea daily)
ethosuximide CAPS	1	QL(6 ea daily)
ethosuximide SOLN	1	QL(30 ml daily)
methsuximide	1	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (ethosuximide)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
divalproex sodium TB24	1	
divalproex sodium TBEC	1	
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	1	
valproic acid CAPS	1	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
mirtazapine TABS 30 MG	1	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TABS 15 MG	1	QL(3 ea daily)
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	1	QL(1 ea daily)
mirtazapine TBDP 30 MG	1	QL(1.5 ea daily)
mirtazapine TBDP 15 MG	1	QL(3 ea daily)
mirtazapine TBDP 45 MG	1	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
bupropion hcl TABS	1	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB12 100 MG	1	QL(4 ea daily)
bupropion hcl TB12 150 MG	1	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB12 200 MG	1	QL(2 ea daily)
bupropion hcl TB24 150 MG	1	QL(3 ea daily)
bupropion hcl TB24 300 MG	1	QL(1 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
phenelzine sulfate	1	
tranylcypromine sulfate	1	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
citalopram hydrobromide SOLN	1	QL(20 ml daily)
citalopram hydrobromide TABS 10 MG	1	QL(4 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 20 MG	1	QL(2 ea daily)
citalopram hydrobromide TABS 40 MG	1	QL(1 ea daily)
escitalopram oxalate SOLN	1	QL(20 ml daily)
escitalopram oxalate TABS 10 MG	1	QL(2 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 5 MG	1	QL(4 ea daily)
escitalopram oxalate TABS 20 MG	1	QL(1 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	1	QL(2 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	1	QL(3 ea daily)
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	1	QL(1 ea daily)
fluoxetine hcl CPDR	1	
fluoxetine hcl SOLN	1	QL(20 ml daily)
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG	1	QL(1 ea daily)
fluoxetine hcl TABS 20 MG	1	QL(3 ea daily)
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1	
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1	
<i>amoxapine</i>	1	
<i>clomipramine hcl</i>	1	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1	
<i>imipramine pamoate</i>	1	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1	
<i>protriptyline hcl</i>	1	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl TABS 500 MG</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 850 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TABS 1000 MG</i>	1	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 750 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl TB24 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	1	PA
<i>deferasirox TBSO</i>	1	PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	1	PA
Opioid Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1	
<i>naltrexone hcl</i>	1	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
<i>ANZEMET TABS 50 MG</i>	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antiemetics - Miscellaneous		
<i>AKYNZEO</i>	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
<i>VARUBI TBPK</i>	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1	
<i>ERAXIS</i>	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
Antifungals		
<i>ABELCET</i>	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
<i>CRESEMBA CAPS 186 MG</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluconazole SUSR</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
CLARITIN TABS (<i>loratadine</i>)	1	
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
QUZYTIR SOLN IV	3	PA
ZYRTEC ALLERGY TABS (<i>cetirizine hcl</i>)	1	QL(1 ea daily)
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl SYRP</i>	1	
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Cholesterol		
Adenosine Triphosphate-Citrate Lyase (ACL) Inhibitors		
NEXLETOL	1	PA
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT</i>	1	QL(0.25 ml daily); PA
<i>REPATHA SURECLICK SOAJ</i>	1	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>REPATHA SOSY</i>	1	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); PA
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1	
<i>guanfacine hcl</i>	1	
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	PA
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	PA
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1	
<i>trimethoprim TABS</i>	1	
XIFAXAN	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1	
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	PA
LEUKERAN	4	PA
<i>melphalan</i>	1	
<i>melphalan hcl</i>	1	
MYLERAN TABS	4	PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	PA
TEMODAR SOLR	4	PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	PA
ZANOSAR	4	PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	PA
<i>capecitabine</i>	4	PA
<i>clofarabine</i>	4	PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 200 MG</i>	4	PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TABLOID	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	PA
ZIRABEV	4	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ADCETRIS	4	PA
ARZERRA	4	PA
RUXIENCE	4	PA
TRUXIMA	4	PA
YERVOY	4	PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ERBITUX	4	PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); PA
EMCYT	4	PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily)
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); PA
<i>letrozole</i>	1	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); PA
LYSODREN	4	PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1	
<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1	
TRELSTAR MIXJECT	4	PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
BOSULIF TABS	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BRAFTOVI 75 MG	4	PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); PA	MEKTOVI	4	PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); PA	<i>romidepsin SOLR</i>	4	PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); PA
INREBIC	4	PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); PA
JAKAFI 10 MG, 20 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
JAKAFI 5 MG, 15 MG, 25 MG	4	QL(2 ea daily); PA	TABRECTA	4	PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KOSELUGO	4	PA	TASIGNA	4	QL(4 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TAZVERIK	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	PA
TURALIO	4	AC; PA
VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZELBORAF	4	PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAS	4	PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE	4	PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1	
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	PA
MATULANE	4	PA
PHOTOFRIN	4	PA
PROLEUKIN	4	PA
SYNRIBO	4	PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1	
UVADEX	4	PA
Chemotherapy Adjuncts		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KEPIVANCE 6.25 MG	4	PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1	
VORAXAZE	4	PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN	4	PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	PA
JEVTANA	4	PA
<i>paclitaxel 150 MG/25ML</i>	4	PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCANTIN CAPS	4	PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	PA
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1	
Antiparkinson Anticholinergics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1	
LITHIUM	1	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); PA
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); PA
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
<i>haloperidol TABS</i>	1	
Dibenzapines		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1	
<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 12.5 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 150 MG</i>	1	
<i>loxapine succinate</i>	1	
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Phenothiazines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1	
<i>perphenazine TABS</i>	1	
<i>prochlorperazine</i>	1	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1	
<i>thioridazine hcl</i>	1	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); PA
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
efavirenz CAPS 200 MG	1	QL(2 ea daily)
efavirenz CAPS 50 MG	1	QL(3 ea daily)
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	1	QL(1 ea daily)
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	1	QL(1 ea daily)
efavirenz TABS	1	QL(1 ea daily)
emtricitabine CAPS	1	QL(1 ea daily)
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	1	QL(1 ea daily)
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	0	QL(1 ea daily)
EMTRIVA CAPS (emtricitabine)	2	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)
etravirine 200 MG	1	QL(2 ea daily)
etravirine 100 MG	1	QL(4 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)
fosamprenavir calcium TABS	1	QL(4 ea daily)
FUZEON SOLR	4	PA
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)
lamivudine SOLN	1	QL(30 ml daily)
lamivudine TABS 300 MG	1	QL(1 ea daily)
lamivudine TABS 150 MG	1	QL(2 ea daily)
lamivudine-zidovudine	1	QL(2 ea daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
lopinavir-ritonavir SOLN	1	QL(12.5 ml daily)
lopinavir-ritonavir TABS	1	QL(4 ea daily)
maraviroc TABS	1	QL(2 ea daily)
nevirapine SUSP	1	QL(40 ml daily)
nevirapine TABS	1	QL(2 ea daily)
nevirapine TB24 100 MG	1	QL(3 ea daily)
nevirapine TB24 400 MG	1	QL(1 ea daily)
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)
PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	3	QL(1 ea daily)
PREZISTA TABS (darunavir)	3	QL(2 ea daily)
RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
ritonavir TABS	1	QL(12 ea daily)
RUKOBIA	4	PA
SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
stavudine CAPS	1	QL(2 ea daily)
STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
tenofovir disoproxil fumarate TABS	1	
TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
TYBOST	3	QL(1 ea daily)
VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
CMV Agents		
<i>cidofovir</i>	3	
<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
Hepatitis Agents		
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
PEGASYS SOLN	1	QL(0.0714 ml daily); PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); MO; PA
SOVALDI TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
<i>pindolol TABS</i>	1	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1	
<i>nimodipine CAPS</i>	1	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ (<i>digoxin</i>)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (<i>digoxin</i>)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bosentan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPk	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	1	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Cephalosporins - 1st Generation			<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1	
<i>cefadroxil CAPS</i>	1		Cephalosporins - 5th Generation		
<i>cefadroxil SUSR</i>	1		TEFLARO	3	
<i>cefadroxil TABS</i>	1		CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1		Combination Contraceptives - Oral		
<i>cephalexin CAPS</i>	1		BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>cephalexin SUSR</i>	1		<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 2nd Generation			<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>cefaclor CAPS</i>	1		<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefoxitin sodium IV</i>	1		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1		NATAZIA	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1	PA	<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1		Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1				
<i>ceftazidime IV 2 GM, 6 GM</i>	1				
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
TYBLUME CHEW	0	
Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)
Combination Contraceptives - Vaginal		
ANNOVERA	0	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)
Emergency Contraceptives		
ELLA	0	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0	
Progestin Contraceptives - Injectable		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)
Progestin Contraceptives - Oral		
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
OPILL	0	
SLYND	0	QL(1 ea daily)
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Glucocorticosteroids		
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
DEPO-MEDROL SUSP	3	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
<i>dexamethasone TABS</i>	1	
EMFLAZA SUSP	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>prednisolone TABS</i>	1	
<i>prednisone SOLN</i>	1	
<i>prednisone TABS</i>	1	
<i>prednisone TBPk</i>	1	
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
SOLU-MEDROL 2 GM	3	
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1	

DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene CREA</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1	QL(8 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	1 rti MAX fill; 30 rti day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA	<i>amcinonide OINT</i>	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>tazarotene CREA</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(1.67 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 mail pack lmt day(s); 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	PA
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	PA
Burn Products			<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); PA
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)			
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)			
<i>amcinonide CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA	<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl pack lmt per fill; 30 mail pack lmt day(s); 1 mail pack lmt per fill	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide OINT</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Diagnostic Tests			ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
CHEMSTRIP-K STRP	1		ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1		DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1		Carbonic Anhydrase Inhibitors		
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1		<i>acetazolamide sodium</i>	1	
KETONE TEST STRIPS STRP	1		<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
KETONE STRP	1		<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
KETOSTIX STRP	1		<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1		<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
PRECISION XTRA	1		<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
PTS PANELS KETONE TEST	1		Diuretic Combinations		
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1		<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1	
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC	<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1	
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC	<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes			<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
Digestive Enzymes			Loop Diuretics		
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
			<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>torseamide TABS</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
NOVAREL IM 10000 UNIT	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
HUMATROPE CART IJ	1	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	1	PA
ZORBTIVE SC	4	PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	1	PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	PA
<i>betaine</i>	4	PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1	
ELAPRASE	4	PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	PA
Progesterone Receptor Antagonists		
<i>mifepristone</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(1 ea per fill retail; 1 per fill mail)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOSY</i>	4	
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolvaptan TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	1	PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1	
<i>mesalamine CPDR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
VELPHORO	3	PA
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	1	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	1	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
RUCONEST	1	QL(0.143 ea daily); PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	1	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	1	PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS 1 MG, 400 MCG</i>	0	RX/OTC
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	1	PA
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	PA
RETACRIT	4	PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO 300 MCG/0.5ML	1	30 rtl lmt day(s); 30 mail lmt day(s); PA
ZARXIO 480 MCG/0.8ML	1	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	PA
<i>plerixafor</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>flurazepam hcl</i>	1	PA
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose SOLN</i>	1	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl TBEC</i>	1	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1	
<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
<i>clarithromycin TABS</i>	1	
<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		Parenteral Therapy Supplies		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		AIMOVIQ	2	QL(0.04 ml daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
Diabetic Supplies			EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail); PA
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Migraine Combinations		
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	Migraine Products		
			<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1	
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
Serotonin Agonists		
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); PA
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
MINERALS & ELECTROLYTES		
Bicarbonates		
<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1	
Calcium		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
Electrolyte Mixtures		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
<i>electrolyte-148</i>	1	
<i>electrolyte-a</i>	1	
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1	
<i>lactated ringer's</i>	1	
NORMOSOL-M/D5W	1	
NORMOSOL-R	1	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1	
<i>ringer's</i>	1	
Fluoride		
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); PA
Immunomodulators		
<i>lenalidomide</i>	4	QL(1 ea daily); PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	PA
AZATHIOPRINE	1	
azathioprine TABS	1	
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	1	
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	1	
cyclosporine CAPS	1	
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	1	
ENSPRYNG	4	PA
everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	4	QL(20 ea daily); PA
mycophenolate mofetil CAPS	1	
mycophenolate mofetil TABS	1	
mycophenolate sodium	1	
NULOJIX	4	PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
sirolimus TABS	1	
tacrolimus CAPS	1	
THYMOGLOBULIN	4	PA
Irrigation Solutions		
irrigation solutions, physiological	1	
lactated ringer's (irrigation)	1	
ringer's irrigation	1	
water for irrigation, sterile	1	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
sodium polystyrene sulfonate POWD	1	
sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	1	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	1	
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	1	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
clotrimazole	1	
nystatin (mouth-throat)	1	
Antiseptics - Mouth/Throat		
chlorhexidine gluconate (mouth-throat)	1	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
stannous fluoride CONC	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
triamcinolone acetonide (mouth)	1	
Throat Products - Misc.		
cevimeline hcl	1	
pilocarpine hcl (oral)	1	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
pediatric multivitamins w/fl CHEW	1	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
			MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
			Central Muscle Relaxants		
			<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carisoprodol TABS</i>	1	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins		
XEOMIN	3	PA
Nondepolarizing Muscle Relaxants		
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1	
<i>brimonidine tartrate 0.15 % , 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
<i>trifluridine</i>	1	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>sulfacetamide sod-prednisolone SOLN</i>	3	PA
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
ZYLET	3	PA
Ophthalmic Surgical Aids		
HEALON PRO SOSY	3	PA
PROVISC SOSY	3	PA
Ophthalmics - Misc.		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALOCRIIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
azelastine hcl (ophth)	1	
bepotastine besilate	3	PA
brinzolamide	1	
bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	1	
cromolyn sodium (ophth)	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
diclofenac sodium (ophth)	1	
dorzolamide hcl	1	
epinastine hcl (ophth)	1	
flurbiprofen sodium	1	
ketorolac tromethamine (ophth)	1	
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); PA
olopatadine hcl 0.1 %	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
olopatadine hcl 0.2 %	1	RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
bimatoprost SOLN	3	
latanoprost SOLN	1	
tafluprost	1	
travoprost SOLN	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
acetic acid (otic)	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
ciprofloxacin hcl (otic)	1	
ofloxacin (otic)	1	
Otic Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ciprofloxacin-dexamethasone	1	PA
ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	1	QL(2 ml daily)
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	1	
Otic Steroids		
fluocinolone acetonide (otic)	1	
hydrocortisone w/acetic acid	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
CUVITRU SOLN 1 GM/5ML, 2 GM/10ML, 4 GM/20ML, 10 GM/50ML	1	PA
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	1	PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	1	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	1	PA
GAMUNEX-C	1	PA
HIZENTRA SOLN	1	PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	1	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	1	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1	
Combination Psychotherapeutics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	1	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); PA
BETASERON KIT	4	SP
<i>dalfampridine</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	4	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.0357 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); PA
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>pimozide</i>	1	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	1	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	1	PA
PROLASTIN-C SOLR	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); PA
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tigecycline</i>	1	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine hcl OR 300 MG/5ML, 400 MG/6.67ML</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>nizatidine CAPS</i>	1	
<i>nizatidine SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>tropium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HAVRIX	0	
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	IPOL INACTIVATED IPV	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
			PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail)
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	
SLO-NIACIN TBCR 500 MG, 750 MG (<i>niacin</i>)	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	albuterol sulfate AERS	9
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	albuterol sulfate SYRP	9
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albuterol sulfate TABS	9
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	62	alclometasone dipropionate CREA	39
ABRYSCO	63	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acamprosate calcium	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	ALDURAZYME	44
acarbose	14	adapalene CREA	36	ALECENSA	25
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL	36	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alfuzosin hcl	46
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	31	ALINIA SUSR	21
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADEMPAS	33	aliskiren fumarate	21
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	61	allopurinol	47
acetazolamide CP12	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	63	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	63	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	64	ALOCRIL	58
acetazolamide TABS 250 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	alogliptin benzoate	15
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	64	alogliptin-metformin hcl	14
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	14
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AIMOVIG	51	ALOMIDE	58
acitretin 25 MG	38	AIMSCO LUBRICATED MISC	49	alosetron hcl	46
ACTHAR	43	AKYNZEO	17	alprazolam TABS	8
ACTHIB SOLR IM	63	albendazole	7		
ACTIMMUNE	27				

alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan	20	MG-5 MG	1
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	57	amoxapine	14	amphotericin b IV	17
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59		amphotericin b liposome	17
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
ALUNBRIG TBPK	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		ampicillin CAPS 500 MG	59
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12 59		ampicillin sodium IJ 1 GM	59
alvimopan	46	amoxicillin CAPS	59	anagrelide hcl	47
amantadine hcl CAPS	28	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 59		anastrozole	24
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR	59	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin TABS	59	ANNOVERA	35
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	ANORO ELLIPTA	9
amcinonide CREA	39	amphetamine sulfate TABS	1	ANZEMET TABS 50 MG	17
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	APIDRA SOLN	15
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	apomorphine hydrochloride SOCT 28	
amiloride & hydrochlorothiazide ..	42	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG	5	apraclonidine hcl	57
amiloride hcl TABS	43			aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
aminocaproic acid TABS	48			aprepitant CAPS 80 MG	17
aminophylline SOLN	10			aprepitant CAPS	17
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8			aprepitant MISC	17
amiodarone hcl TABS	8			APTIOM	11
amitriptyline hcl TABS	14			APTIVUS CAPS	29
amlodipine besylate TABS	32			ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	47
amlodipine besylate-atorvastatin calcium	33			ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	47
amlodipine besylate-benazepril hcl 20					
amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20				

ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	47	atovaquone-proguanil hcl	22	estradiol-iron)	34
ARCALYST	3	atracurium besylate 100 MG/10ML 56		balsalazide disodium CAPS	45
AREXVY	64	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BALVERSA	25
arformoterol tartrate	9	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	8	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
aripiprazole SOLN OR	29	AUSTEDO TABS	60	BARACLUDGE SOLN	31
aripiprazole TABS	29	AVONEX PEN AJKT	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
armodafinil	1	AVONEX PSKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARMOUR THYROID TABS	61	AYVAKIT	25	BAXDELA TABS	45
ARNUITY ELLIPTA	9	azacitidine SUSR	23	BELSOMRA	48
arsenic trioxide 10 MG/10ML	27	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG	20
ARZERRA	24	AZATHIOPRINE	54	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG	20
asenapine maleate 2.5 MG	29	azathioprine TABS	54	benazepril hcl	19
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	29	azelaic acid GEL	41	bendamustine hcl SOLR	23
aspirin CHEW	4	azelastine hcl (ophth)	58	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	36
aspirin TABS 325 MG	4	azelastine hcl	56	benzonatate 100 MG	36
aspirin TBEC 81 MG	4	AZELEX	36	benzonatate 150 MG	36
aspirin-dipyridamole	47	azithromycin PACK	49	benzonatate 200 MG	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	29	azithromycin SOLR	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG	29	azithromycin SUSR	49	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atenolol & chlorthalidone	20	azithromycin TABS 250 MG	49	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
atenolol TABS	31	azithromycin TABS 500 MG	49	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	36
ATGAM	54	azithromycin TABS 600 MG	49	benzoyl peroxide-erythromycin GEL	36
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	aztreonam 1 GM	22	36	
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	bacitracin (ophthalmic)	57	benztropine mesylate SOLN	28
atorvastatin calcium TABS	19	bacitracin	21	benztropine mesylate TABS	28
atovaquone	21	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	55		
		BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl			

bepotastine besilate	58	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	42
BESIVANCE	57	bisoprolol fumarate	31	bumetanide TABS	42
betaine	44	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	buprenorphine hcl SOLN	6
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	BOOSTRIX SUSP	62	buprenorphine hcl SUBL	6
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	BOOSTRIX SUSY	62	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	6
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	BORTEZOMIB SOLR IJ	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	6
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	6
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	bosentan TABS	33	buprenorphine PTWK	6
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	BOSULIF TABS	25	bupropion hcl (smoking deterrent)	60
betamethasone valerate CREA	39	BRAFTOVI 75 MG	26	bupropion hcl TABS	13
betamethasone valerate FOAM	39	BREO ELLIPTA	9	bupropion hcl TB12 100 MG	13
betamethasone valerate LOTN	39	BREZTRI AEROSPHERE	9	bupropion hcl TB12 150 MG	13
betamethasone valerate OINT	39	BRILINTA	47	bupropion hcl TB12 200 MG	13
BETASERON KIT	60	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TB24 150 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	56	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	57	bupropion hcl TB24 300 MG	13
betaxolol hcl	31	brimonidine tartrate-timolol maleate	56	buspirone hcl	8
bethanechol chloride 25 MG	63	brinzolamide	58	busulfan SOLN	23
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	63	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	11	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4
bexarotene (topical)	38	BRIVIACT TABS	11	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4
bexarotene	27	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	58	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4
BEXSERO	63	bromocriptine mesylate CAPS	28	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4
bicalutamide	24	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6
BIKTARVY	29	BRUKINSA	26	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325	
bimatoprost SOLN	58	budesonide (inhalation) SUSP	9		
bisacodyl TBEC	49	budesonide (intrarectal)	7		
		budesonide (nasal)	56		
		budesonide CPEP	35		
		budesonide-formoterol fumarate dihydrate	9		

MG	6	capecitabine	23	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	34
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	CAPRELSA	26	cefadroxil CAPS	34
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil SUSR	34
butenafine hcl	37	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	19	cefadroxil TABS	34
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	carbamazepine CHEW	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	34
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefdinir CAPS	34
cabergoline	44	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefdinir SUSR	34
CABLIVI	47	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
CABOMETYX TABS	26	carbamazepine SUSP	11	cefixime CAPS	34
calcipotriene CREA	38	carbamazepine TABS	11	cefixime SUSR	34
calcipotriene OINT	38	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TB12 200 MG	11	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbidopa	27	cefoxitin sodium IV	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbidopa-levodopa TABS	28	cefpodoxime proxetil SUSR	34
calcitonin (salmon) NA	43	carbidopa-levodopa TBCR	28	cefpodoxime proxetil TABS	34
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa TBDP	28	cefprozil SUSR	34
calcitriol CAPS	44	carbidopa-levodopa-entacapone	28	cefprozil TABS	34
calcitriol SOLN IV	44	carbinoxamine maleate SOLN	18	ceftazidime IV 2 GM, 6 GM	34
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carbinoxamine maleate TABS 4 MG . 18		ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG	34
calcium acetate (phosphate binder) TABs	46	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23	cefuroxime axetil TABS	34
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carisoprodol TABS	56	cefuroxime sodium IJ 750 MG	34
calcium polycarbophil TABS	49	carmustine	23	celecoxib	3
CALQUENCE	26	carteolol hcl (ophth)	56	CELONTIN (methsuximide)	13
candesartan cilexetil	20	carvedilol	31	cephalexin CAPS	34
candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	20	carvedilol phosphate	31	cephalexin SUSR	34
CAPASTAT SULFATE	23	casprofungin acetate	17	CERDELGA	47
		CAYA DPRH	49	CEREZYME 400 UNIT	47
		CAYSTON	22	cetirizine hcl TABS	18
		cefaclor CAPS	34		

cevimeline hcl	54	ciclopirox olamine SUSP	37	CLARITIN TABS (loratadine)	18
CHEMET	16	ciclopirox SHAM	37	CLASSIC PRENATAL TABS	54
CHEMSTRIP-K STRP	42	ciclopirox SOLN	37	clemastine fumarate SYRP	18
chloramphenicol sodium succinate 21		cidofovir	31	clemastine fumarate TABS 2.68 MG	18
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cilostazol	47	CLIMARA PRO	45
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	62	CIMDUO	29	clindamycin hcl	21
chlordiazepoxide-amitriptyline	60	cimetidine hcl OR 300 MG/5ML, 400 MG/6.67ML	62	clindamycin palmitate hydrochloride	21
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	54	cimetidine TABS	62	clindamycin phosphate (topical) FOAM	36
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	cinacalcet hcl	44	clindamycin phosphate (topical) GEL	36
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	CIPRO SUSR	45	clindamycin phosphate (topical) LOTN	36
chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	57	clindamycin phosphate (topical) SOLN	36
chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl (otic)	58	clindamycin phosphate (topical) SWAB	36
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin hcl TABS	45	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21
chlorzoxazone TABS 500 MG	56	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	45	clindamycin phosphate vaginal CREA	66
CHOLBAM	45	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	45	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	36
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 50000 UNIT	67	ciprofloxacin-dexamethasone	58	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	37
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	67	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	58	clindamycin phosphate-tretinoin	37
cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	23	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	56
cholestyramine light POWD	19	citalopram hydrobromide SOLN	13	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	56
cholestyramine PACK	19	citalopram hydrobromide TABS 10 MG	13	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	56
cholestyramine POWD	19	citalopram hydrobromide TABS 20 MG	13		
choline fenofibrate	19	citalopram hydrobromide TABS 40 MG	13		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	43	clarithromycin SUSR	49		
ciclopirox GEL	37	clarithromycin TABS	49		
ciclopirox olamine CREA	37	clarithromycin TB24	49		

clobazam SUSP	11	clozapine TBDP 12.5 MG	29	CRESEMBA CAPS 186 MG	17
clobazam TABS	11	clozapine TBDP 150 MG	29	cromolyn sodium (ophth)	58
clobetasol propionate CREA 0.05 % .	39	clozapine TBDP 200 MG	29	cromolyn sodium NEBU	8
		clozapine TBDP 25 MG	29	crotamiton LOTN	41
clobetasol propionate emollient base		COARTEM	22	CUVITRU SOLN 1 GM/5ML, 2	
0.05 %	39	codeine sulfate TABS 30 MG	4	GM/10ML, 4 GM/20ML, 10 GM/50ML	
clobetasol propionate FOAM	39	CODEINE SULFATE TABS	5	58
clobetasol propionate GEL 0.05 %	39	colchicine TABS	47	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6	
clobetasol propionate OINT 0.05 %	39	colchicine w/ probenecid	47	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7	
		colesevelam hcl PACK	19	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-	
clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	40	colesevelam hcl TABS	19	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
		colestipol hcl GRAN	19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000	
clocortolone pivalate	40	colestipol hcl PACK	19	MCG/ML	47
clofarabine	23	colestipol hcl TABS	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10	
clomipramine hcl	14	COMETRIQ KIT	26	MG	56
clonazepam TABS	11	COMIRNATY 2023-24 SUSP	64	cyclophosphamide CAPS	23
clonidine	20	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clonidine hcl (adhd) TB12	1	COMIRNATY SUSP	64	cycloserine	23
clonidine hcl TABS	20	COMPLERA	29	cyclosporine (ophth) EMUL	57
clopidogrel bisulfate 300 MG	47	CONTRAVE	1	cyclosporine CAPS	54
clopidogrel bisulfate 75 MG	47	COPIKTRA	26	cyclosporine modified (for	
clorazepate dipotassium TABS	8	CORDRAN TAPE	40	microemulsion) CAPS	54
clotrimazole (topical) CREA	37	CORLANOR SOLN	33	cyclosporine modified (for	
clotrimazole (topical) SOLN	37	CORLANOR TABS	33	microemulsion) SOLN	54
clotrimazole	54	CORTISPORIN-TC	58	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	54
clotrimazole vaginal CREA 1 %	66	COSENTYX SENSOREADY PEN		CYLTEZO AJKT	3
clotrimazole w/ betamethasone		SOAJ	38	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3
CREA	37	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	38	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40	
clotrimazole w/ betamethasone		COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	38	MG/0.8ML	3
LOTN	37	COSENTYX UNOREADY SOAJ	38	CYLTEZO STARTER PACKAGE	
clozapine TABS	29			FOR CROHNS DISEASE/UC/HS	
clozapine TBDP 100 MG	29			AJKT	3
				CYLTEZO STARTER PACKAGE	
				FOR PSORIASIS AJKT	3

cyproheptadine hcl SYRP	18	demeclocycline hcl TABS	61	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35
cyproheptadine hcl TABS	18	DEPO-ESTRADIOL	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57
CYSTAGON CAPS	46	DEPO-MEDROL SUSP	35	dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
CYSTARAN	58	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35	dexamethasone SOLN	35
cytarabine SOLN	23	desipramine hcl TABS	14	dexamethasone TABS	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS 110 MG	11	desloratadine TABS	18	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
dabigatran etexilate mesylate CAPS 75 MG, 150 MG	11	desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexlansoprazole	62
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dactinomycin	25	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dexmethylphenidate hcl TABS	1
dalfampridine	60	desmopressin acetate spray	44	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
danazol CAPS	7	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
dapsone	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		dextrose in lactated ringers	52
DAPTACEL	62	desogestrel & ethinyl estradiol ...	34	DIACOMIT CAPS 250 MG	11
daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34	DIACOMIT CAPS 500 MG	11
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34	DIACOMIT PACK 250 MG	11
darunavir TABS 600 MG	29	desonide CREA	40	DIACOMIT PACK 500 MG	12
darunavir TABS 800 MG	29	desonide LOTN	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11
DAURISMO	24	desonide OINT	40	diazepam CONC	8
DEBACTEROL	54	desoximetasone CREA 0.25 % ...	40	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML ...	8
decitabine	23	desoximetasone GEL	40	diazepam TABS	8
deferasirox PACK	16	desoximetasone OINT 0.25 % ...	40	diazoxide	15
deferasirox TABS	16	desvenlafaxine succinate 100 MG	14	dichlorphenamide	42
deferasirox TBSO	16	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14	diclofenac epolamine PTCH EX ...	38
deferiprone TABS 500 MG	16	dexamethasone ELIX	35	diclofenac potassium TABS 50 MG .	3
deflazacort TABS	35				
DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45				
DELSTRIGO	30				

diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38	MG, 300 MG, 360 MG	32	divalproex sodium TBEC	13
diclofenac sodium (ophth)	58	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG	32	docetaxel CONC 20 MG/ML	27
diclofenac sodium (topical) GEL EX 38		diltiazem hcl CP12	32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML	27
diclofenac sodium TB24	3	diltiazem hcl CP24	32	docusate calcium	49
diclofenac sodium TBEC	3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG	32	docusate sodium CAPS 100 MG ..	49
diclofenac w/ misoprostol TBEC	3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	32	docusate sodium CAPS 250 MG ..	49
dicloxacillin sodium	59	DILTIAZEM HCL SOLR	32	dofetilide	8
dicyclomine hcl CAPS	62	diltiazem hcl TABS	32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG	59
dicyclomine hcl SOLN OR	62	diltiazem hcl TB24	32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG .	59
dicyclomine hcl TABS	62	dimethyl fumarate CDPK	60	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG	59
DIFFERIN LOTN	37	dimethyl fumarate CPDR	60	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG	59
DIFICID TABS	49	DIPENTUM	45	DOPTELET	47
diflorasone diacetate CREA	40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18		doxorubicin hcl liposomal	25
diflorasone diacetate OINT	40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	18	doxorubicin hcl SOLN	25
diflunisal TABS	4	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	18	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	25
difluprednate	57	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	18	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	61
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML ...	32	diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	16		
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG	33	diphenoxylate w/ atropine TABS ...	16		
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML	52	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ..	62		
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML	51	dipyridamole	47		
DILANTIN (phenytoin sodium extended)	12	disopyramide phosphate CAPS	8		
DILANTIN	12	disulfiram	59		
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin)	12	DIURIL SUSP	43		
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) .	12	divalproex sodium TB24	13		

doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	61	efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	30	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20
doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	61	EGRIFTA 2 MG	43	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20
doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG	61	EGRIFTA SV	43	enalapril maleate TABS
doxycycline hyclate CAPS	61	ELAPRASE	44	ENBREL MINI SOCT
doxycycline hyclate SOLR	61	electrolyte-148	52	ENBREL SOLN
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61	electrolyte-a	52	ENBREL SOLR
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML
dronabinol CAPS	17	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SOSY 50 MG/ML
drospirenone-ethinyl estradiol	34	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENBREL SURECLICK SOAJ
drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium	34	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...
DROXIA CAPS	47	ELIQUIS STARTER PACK TBPK ..	10	ENGERIX-B SUSY
DUAVEE	45	ELIQUIS TABS	10	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML
DULERA	9	ELLA	35	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	ELMIRON CAPS	46	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML
duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49	EMFLAZA SUSP	35	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML
dutasteride	46	EMFLAZA TABS (deflazacort)	35	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML
dutasteride-tamsulosin hcl	46	EMGALITY SOAJ	51	ENSPRYNG
econazole nitrate CREA	37	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	51	entacapone
EDARBI	20	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	51	entecavir TABS
EDURANT	30	EMSAM	13	EPIDIOLEX
efavirenz CAPS 200 MG	30	emtricitabine CAPS	30	epinastine hcl (ophth)
efavirenz CAPS 50 MG	30	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML
efavirenz TABS	30	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	30	EMTRIVA CAPS (emtricitabine) ...	30	
		EMTRIVA SOLN	30	
		EMVERM CHEW	7	

epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	66	erythromycin base TBEC	49	etonogestrel-ethinyl estradiol	35
EPIVIR HBV SOLN	31	erythromycin ethylsuccinate SUSR 49		ETOPOPHOS	27
eplerenone	21	erythromycin ethylsuccinate TABS	49	etoposide CAPS	27
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML	27
epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate TABS 10 MG 13		etravirine 100 MG	30
EQL PRENATAL FORMULA TABS 55		escitalopram oxalate TABS 20 MG 13		etravirine 200 MG	30
EQUETRO 100 MG	28	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	EUCRISA	41
EQUETRO 200 MG	28	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG	62	EVAMIST SOLN	45
EQUETRO 300 MG	28	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG	62	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
ERAXIS	17	esomeprazole magnesium TBEC .	62	everolimus TABS	26
ERBITUX	24	esomeprazole magnesium TBEC .	62	EVOTAZ	30
ergocalciferol CAPS	67	estazolam	48	exemestane	24
ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol GEL	45	ezetimibe	19
ergoloid mesylates TABS	60	estradiol PTTW	45	ezetimibe-simvastatin	18
ERGOMAR SUBL	52	estradiol PTWK	45	famciclovir 125 MG, 250 MG	31
ergotamine w/ caffeine TABS	51	estradiol TABS	45	famciclovir 500 MG	31
ERIVEDGE	24	estradiol vaginal CREA	66	famotidine in nacl SOLN	62
ERLEADA 240 MG	24	estradiol vaginal TABS	66	famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML	62
ERLEADA 60 MG	24	estradiol valerate	45	famotidine SUSR	62
erlotinib hcl	24	ESTROGEL GEL	45	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62
ERTACZO	37	eszopiclone	48	FANAPT	28
ertapenem sodium IJ	21	ethacrynic acid	43	FANAPT TITRATION PACK	28
erythromycin (acne aid) PADS	37	ethambutol hcl TABS	23	FANTASY LUBRICATED MISC ...	50
erythromycin (acne aid) SOLN	37	ethosuximide CAPS	13	FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	
erythromycin (ophth)	57	ethosuximide SOLN	13	50	
erythromycin base CPEP	49	ethynodiol diacet & eth estrad	34	FARXIGA	16
erythromycin base TABS	49	etodolac CAPS	3	FASENRA PEN SOAJ	8
		etodolac TABS	3	FASENRA SOSY	8

FC2 FEMALE CONDOM	50	flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLN	23
febuxostat	47	floxuridine	23	fludarabine phosphate SOLR	23
felbamate SUSP	12	FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	fludrocortisone acetate TABS	36
felbamate TABS 400 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65
felbamate TABS 600 MG	12	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65
felodipine	32	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65
FEMCAP DEVI	50	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
FEMRING	66	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	64	flucinolone acetonide (otic)	58
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	64	flucinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
fenopropfen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	64	flucinolone acetonide CREA 0.025 %	40
FENSOLVI SC	44	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	64	flucinolone acetonide OIL	40
fentanyl citrate LPOP	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	flucinolone acetonide OINT	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	64	flucinolone acetonide SOLN	40
ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	flucinsonide CREA 0.05 %	40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	flucinsonide emulsified base	40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	64	flucinsonide GEL	40
ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	flucinsonide OINT	40
fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	flucinsonide SOLN	40
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	fluorometholone (ophth) SUSP	57
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	fluorouracil (topical) CREA 5 %	38
finasteride	46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	fluorouracil (topical) SOLN	38
fingolimod hcl	60	fluconazole SUSR	18	fluorouracil 500 MG/10ML	23
FIRDAPSE	22	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13
FIRMAGON	24	flucytosine	17	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13
flavoxate hcl	63			fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13
				fluoxetine hcl CPDR	13

fluoxetine hcl SOLN	13	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	13	FOSAMAX PLUS D	43
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 13		FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021- 2022	65	fosamprenavir calcium TABS	30
fluoxetine hcl TABS 20 MG	13	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	65	fosfomycin tromethamine	22
fluphenazine hcl CONC	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluphenazine hcl ELIX	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	65	fosinopril sodium	19
fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	65	fosphenytoin sodium	12
fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	65	FRAGMIN SOSY	11
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	58	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen TABS	3	FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flutamide	24	FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone furoate-vilanterol	9	folic acid TABS 1 MG, 400 MCG ..	47	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56		fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 10		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate CREA 0.05 % 40		fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .10		frovatriptan succinate	52
fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		fulvestrant SOSY	25
fluticasone propionate LOTN	40	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	42	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43
fluticasone propionate OINT	40	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	42	furosemide TABS	43
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	formoterol fumarate NEBU	10	FUZEON SOLR	30
fluticasone-salmeterol AERO	10				
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ...	19				
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ...	19				
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14					

FYCOMPA TABS 2 MG	11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 % , 1 MG/ML-0.9 % , 1.2 MG/ML-0.9 % , 1.6 MG/ML-0.9 %	2	500 MG-5 MG	15
FYCOMPA TABS 4 MG	11	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46
FYCOMPA TABS 6 MG	11	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	62
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	glycopyrrolate TABS 1 MG	62
gabapentin CAPS	12	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	glycopyrrolate TABS 2 MG	62
gabapentin SOLN	12	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GLYXAMBI	15
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		GENVOYA	30	GNP PRENATAL TABS	55
GALAFOLD	44	GILOTRIF	24	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	42
galantamine hydrobromide CP24 ..	59	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 60		granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
galantamine hydrobromide SOLN ..	59	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 60		granisetron hcl TABS	17
galantamine hydrobromide TABS ..	59	GLEOSTINE 10 MG	23	GRASTEK SUBL	2
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin microsize SUSP	17
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	58	glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin microsize TABS	17
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	58	glimepiride 4 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	17
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1
GAMUNEX-C	58	glipizide TB24	16	guanfacine hcl	20
ganciclovir sodium SOLR	31	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	15	GYNAZOLE-1	66
ganirelix acetate	43	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	3
GARDASIL 9 SUSP	65	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	41	HADLIMA SOSY	3
GARDASIL 9 SUSY	65	glucagon (rdna)	15	HAEGARDA SOLR SC	47
gatifloxacin (ophth)	57	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16	HALAVEN	27
gefitinib	24	glyburide TABS	16	halcinonide CREA	40
gemcitabine hcl SOLR 2 GM	23	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	halobetasol propionate CREA	40
gemcitabine hcl SOLR 200 MG ...	23	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG,		halobetasol propionate OINT	40
gemfibrozil TABS	19			HALOG OINT	40
				haloperidol decanoate	29
				haloperidol lactate CONC	29
				haloperidol lactate SOLN	29
				haloperidol TABS	29

HAVRIX	65	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER	36	5	hydromorphone hcl TABS	5
HEALON PRO SOSY	57	hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	6		hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
HEMANGEOL SOLN OR	32	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	6		hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6		hydroxychloroquine sulfate 200 MG 22	
HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6		hydroxyurea	27
HEPLISAV-B SOSY	65	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	6		hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ...	8
HIBERIX SOLR IJ	63	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	6		hydroxyzine hcl SYRP	8
HIZENTRA SOLN	58	hydrocortisone (intrarectal)	7		hydroxyzine hcl TABS	8
HUMATROPE CART IJ	43	hydrocortisone (rectal) EX	7		hydroxyzine pamoate CAPS	8
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	40		HYPERSAL NEBU	36
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 40			HYQVIA	58
HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	40		ibandronate sodium SOLN	43
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	3	hydrocortisone acetate (rectal)	7		ibandronate sodium TABS	43
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone butyrate CREA	40		IBRANCE CAPS	26
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	3	hydrocortisone butyrate OINT	40		IBRANCE TABS	26
HUMIRA PSKT	3	hydrocortisone butyrate SOLN	40		ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	3
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	16	hydrocortisone TABS	35		ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG	3
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	16	hydrocortisone valerate CREA	40		icatibant acetate SOLN	47
HYCAMTIN CAPS	27	hydrocortisone valerate OINT	40		icatibant acetate SOSY	47
hydralazine hcl SOLN	21	hydrocortisone w/acetic acid	58		ICLUSIG	26
hydralazine hcl TABS	21	hydromorphone hcl LIQD	5		icosapent ethyl 1 GM	18
hydrochlorothiazide CAPS	43	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .			idarubicin hcl 20 MG/20ML	25
hydrochlorothiazide TABS	43				idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	25
					ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	23
					ifosfamide SOLR	23
					imatinib mesylate	26

IMBRUVICA CAPS 140 MG	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16	isosorbide mononitrate TABS	7
IMBRUVICA CAPS 70 MG	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isosorbide mononitrate TB24	7
IMBRUVICA SUSP	26	INTELENCE 25 MG	30	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	37
IMBRUVICA TABS	26	INTRAROSA	66	isradipine CAPS	32
imipenem-cilastatin IV	21	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	27	itraconazole CAPS	18
imipramine hcl TABS	14	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	52	itraconazole SOLN	18
imipramine pamoate	14	IOPIDINE	57	ivermectin (pediculicide)	41
imiquimod 5 %	41	IPOL INACTIVATED IPV	65	ivermectin	7
IMPAVIDO	21	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56		IXEMPRA KIT 15 MG	27
INCRELEX	44	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56		JAKAFI 10 MG, 20 MG	26
INCRUSE ELLIPTA	8	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	8	JAKAFI 5 MG, 15 MG, 25 MG	26
indapamide TABS 1.25 MG	43	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET TABS	15
indapamide TABS 2.5 MG	43	irbesartan	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	3	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
indomethacin CPR	4	IRESSA (gefitinib)	24	JANUVIA	15
INFANRIX	62	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	27	JARDIANCE	16
INFLECTRA SOLR	45	irrigation solutions, physiological	54	JEVTANA	27
INGREZZA CAPS	60	ISENTRESS CHEW	30	JULUCA	30
INGREZZA CPPK	60	ISENTRESS HD TABS	30	KALYDECO TABS	61
INLYTA	24	ISENTRESS TABS	30	KAMELEON LUBRICATED MISC	50
INREBIC	26	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	52	KANJINTI	24
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16		ISOLYTE-S	52	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	53
INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16		isoniazid SOLN	23	KEPIVANCE 6.25 MG	27
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SYRP	23	KESIMPTA	60
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	16	isoniazid TABS	23	ketoconazole (topical) CREA	37
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	7	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	37
		isosorbide dinitrate-hydralazine hcl			

ketoconazole	18	KISQALI	26	lamotrigine CHEW 25 MG	12
KETONE STRP	42	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	25	lamotrigine CHEW 5 MG	12
KETONE TEST STRIPS STRP ...	42	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	25	lamotrigine TABS	12
ketoprofen CAPS 50 MG, 75 MG ...	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	25	lamotrigine TBDP	12
ketorolac tromethamine (ophth) ...	58	KLARITY-A	57	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	33
ketorolac tromethamine TABS	4	KOSELUGO	26	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KETOSTIX STRP	42	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		MCG, 250 MCG (digoxin)	33
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %		TABS	55	lansoprazole CPDR 15 MG	62
58		KRINTAFEL	22	lansoprazole CPDR 30 MG	62
KEVZARA SOAJ	3	K-Y ME & YOU EXTRA		lanthanum carbonate CHEW	46
KEVZARA SOSY	3	LUBRICATED DEVI	50	lapatinib ditosylate	26
KIMONO COLORS DEVI	50	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50	LASTACAFT	58
KIMONO LUBRICATED MISC	50	KYPROLIS	26	latanoprost SOLN	58
KIMONO MAXX/LARGE FLARE		labetalol hcl SOLN	31	leflunomide	4
MISC	50	labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31	lenalidomide	53
KIMONO MICRO THIN PLUS		31		LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ...	24
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		labetalol hcl TABS 300 MG	31	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	24
50		lacosamide SOLN OR 10 MG/ML .	12	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...	24
KIMONO PLUS SPERMICIDE		lacosamide TABS	12	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...	24
LUBRICATED MISC	50	lactated ringer's (irrigation)	54	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...	24
KIMONO PLUS		lactated ringer's	53	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ...	24
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactic acid (ammonium lactate) CREA		LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24
50		41	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24
KIMONO PS LUBRICATED MISC .	50	lactic acid (ammonium lactate) LOTN		letrozole	25
KIMONO PS PLUS		12 %	41	leucovorin calcium SOLR	27
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactulose (encephalopathy)	46	leucovorin calcium TABS	27
50		lactulose SOLN	49	LEUKERAN	23
KIMONO SENSATION		lamivudine (hbv) TABS	31	LEUKINE SOLR IJ	48
LUBRICATED MISC	50	lamivudine SOLN	30	leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	
KIMONO SENSATION PLUS		lamivudine TABS 150 MG	30	25
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		lamivudine TABS 300 MG	30	levalbuterol hcl	10
50		lamivudine-zidovudine	30		
KIMONO SPECIAL DEVI	50				
KINRIX SUSY	62				

levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lopinavir-ritonavir TABS	30
levalbuterol tartrate	10	levothyroxine sodium TABS	61	loratadine CAPS	18
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	LEXIVA SUSP	30	loratadine CHEW	18
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	loratadine SOLN	18
LEVEMIR SOLN	16	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %	54	loratadine TABS	18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %	54	loratadine TBDP	18
levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine hcl GEL 2 %	41	lorazepam CONC	8
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12	lidocaine hcl PRSY	41	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine hcl SOLN	41	lorazepam TABS 1 MG	8
levetiracetam TB24	12	lidocaine PTCH 5 %	41	LORBRENA	26
levobunolol hcl 0.5 %	56	lidocaine-prilocaine CREA	41	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		lincomycin hcl	21	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	20
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		linezolid SUSR	22	losartan potassium	20
levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	linezolid TABS	22	LOTEMAX OINT	57
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	LINZESS	46	loteprednol etabonate GEL	57
levofloxacin SOLN OR	45	liothyronine sodium SOLN	61	loteprednol etabonate SUSP	57
levofloxacin TABS	45	liothyronine sodium TABS	61	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	19
levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	1	lovastatin TABS 40 MG	19
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisinopril & hydrochlorothiazide	20	loxapine succinate	29
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	lubiprostone	45
levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG	34	lithium	28	LUCEMYRA	59
levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	LITHIUM	28	luliconazole	37
levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34		lithium carbonate CAPS	28	LUMIZYME	44
		lithium carbonate TABS	28	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	25
		lithium carbonate TBCR	28	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	25
		LO LOESTRIN FE TABS	34	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	25
		LOKELMA	54		
		loperamide hcl CAPS	16		
		lopinavir-ritonavir SOLN	30		

LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 25	mefenamic acid CAPS 4	metaxalone 800 MG 56
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44	mefloquine hcl 22	metformin hcl TABS 1000 MG 15
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG 44	megestrol acetate (appetite) 59	metformin hcl TABS 500 MG 15
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG 44	megestrol acetate SUSP 25	metformin hcl TABS 850 MG 15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 28	megestrol acetate TABS 25	metformin hcl TB24 500 MG 15
lurasidone hcl 80 MG 28	MEKINIST TABS 0.5 MG 26	metformin hcl TB24 750 MG 15
LYNPARZA TABS 26	MEKINIST TABS 2 MG 26	methadone hcl CONC 5
LYSODREN 25	MEKTOVI 26	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5
mafenide acetate PACK 39	meloxicam TABS 4	METHADONE HCL SOLN IJ 5
magnesium sulfate IJ 50 % 53	melphalan 23	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML 5
malathion 41	melphalan hcl 23	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5
maraviroc TABS 30	memantine hcl TABS 59	methadone hcl TABS 10 MG 5
MARPLAN 13	MENACTRA 63	methadone hcl TABS 5 MG 5
MASONATAL TABS 55	MENEST 45	methadone hcl TBSO 5
MATULANE 27	MENOSTAR PTWK 45	methamphetamine hcl 1
MAXIDEX SUSP OP 57	MENQUADFI 63	methazolamide TABS 42
MAXX LUBRICATED MISC 50	MENVEO SOLR 63	methenamine hippurate 22
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 50	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 5	methimazole TABS 61
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML 5	METHITEST TABS 7
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17	meperidine hcl TABS 50 MG 5	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 56
meclofenamate sodium CAPS 4	meprobamate 8	METHOTREXATE 2
MEDROL TABS 35	mercaptopurine TABS 23	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 23
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM 35	meropenem 21	methotrexate sodium SOLR 23
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM 35	mesalamine CP24 45	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 59	mesalamine CPDR 45	methoxsalen rapid 38
	mesalamine ENEM 46	methscopolamine bromide 62
	mesalamine SUPP 46	methsuximide 13
	mesalamine TBEC 1.2 GM 46	
	mesalamine TBEC 800 MG 46	

methyldopa TABS	20	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TABS 30 MG	13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2	metoprolol succinate TB24 200 MG 32		mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mirtazapine TBDP 15 MG	13
methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mirtazapine TBDP 30 MG	13
methylphenidate hcl CPR	2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	32	mirtazapine TBDP 45 MG	13
methylphenidate hcl SOLN	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	misoprostol	63
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	32	mitomycin SOLR IV 20 MG	25
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	metronidazole (topical) CREA	41	mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41		M-M-R II SOLR	65
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41	M-NATAL PLUS TABS	55
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41	modafinil 100 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	metronidazole (topical) LOTN	41	modafinil 200 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole TABS	21	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	65
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	metronidazole vaginal	66	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	65
methylphenidate PTCH	2	mexiletine hcl	8	MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP	65
methylprednisolone acetate SUSP	35	micalofungin sodium	17	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	65
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	66	moexipril hcl	19
methylprednisolone TABS	35	midodrine hcl	66	mometasone furoate (nasal) SUSP 56	
methylprednisolone TBPK	35	mifepristone	44	mometasone furoate CREA	40
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	45	miglitol	14	mometasone furoate OINT	40
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	45	miglustat	47	mometasone furoate SOLN	40
metoclopramide hcl TABS	45	minocycline hcl CAPS	61	montelukast sodium CHEW	9
metolazone	43	minocycline hcl TABS	61	montelukast sodium PACK	9
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	montelukast sodium TABS	9
		MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	48	morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	

morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	5	NAGLAZYME	44	MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	55
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	5	nalbuphine hcl	7	NEONATAL PLUS TABS	55
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	naloxone hcl LIQD	17	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	55
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	17	NEONATAL VITAMIN TABS	55
morphine sulfate TABS	5	naltrexone hcl	17	neostigmine methylsulfate SOSY ..	22
morphine sulfate TBCR	5	naproxen sodium TABS 550 MG ...	4	NEO-SYNALAR	37
MOTOFEN	16	naproxen SUSP	4	NEUPRO	28
MOVANTIK	46	naproxen TABS	4	NEVANAC	58
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57		naproxen TBEC 500 MG	4	nevirapine SUSP	30
moxifloxacin hcl in sodium chloride 45		naratriptan hcl	52	nevirapine TABS	30
moxifloxacin hcl TABS	45	NATACYN	57	nevirapine TB24 100 MG	30
MOZOBIL (plerixafor)	48	NATAZIA	34	nevirapine TB24 400 MG	30
MULPLETA	48	nateglinide	16	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	62
MULTI PRENATAL TABS	55	NAYZILAM	11	NEXLETOL	18
mupirocin OINT	37	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 32		NEXTSTELLIS	34
MVASI	24	nebivolol hcl 20 MG	32	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	19
MYALEPT	44	NEBUSAL NEBU	36	niacin CPCR 250 MG, 500 MG	67
mycophenolate mofetil CAPS	54	nefazodone hcl	14	niacin TABS	67
mycophenolate mofetil TABS	54	nelarabine	23	niacin TBCR	67
mycophenolate sodium	54	neomycin sulfate TABS	2	NIACIN TR TBCR	67
MYLERAN TABS	23	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	57	niacinamide TABS	67
nabumetone	4	neomycin-polymy-dexameth OINT	57	nicardipine hcl CAPS	32
nadolol TABS 20 MG	32	neomycin-polymy-dexameth SUSP	57	nicardipine hcl SOLN	32
nadolol TABS 40 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	57	nicotine MISC XX	60
nadolol TABS 80 MG	32	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	58	nicotine polacrilex GUM	60
nafcillin sodium IV 10 GM	59	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	58	nicotine polacrilex LOZG	60
naftifine hcl CREA 1 %	38	NEONATAL COMPLETE TABS 120		nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14	
naftifine hcl CREA 2 %	38				

MG/24HR, 21 MG/24HR	60	MG/3ML	43	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	60	NORDITROPIN FLEXP SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44	NOVAREL IM 10000 UNIT	43
NICOTROL INHALER INHA	60	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NICOTROL NS SOLN	60	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	34	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	35	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	32	norethindrone & eth estradiol	35	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol-fe 35	35	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nifedipine TB24	32	norethindrone (contraceptive)	35	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nilutamide	25	norethindrone acet & eth estra ...	35	NP THYROID 120 TABS	61
nimodipine CAPS	32	norethindrone acetate TABS	59	NP THYROID 15 TABS	61
NINLARO	26	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45	NP THYROID 30 TABS	62
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	35	NP THYROID 60 TABS	62
nitazoxanide TABS	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	35	NP THYROID 90 TABS	62
nitisinone CAPS	44	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NUBEQA	25
NITRO-BID OINT	7	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	35	NUCALA SOAJ	8
nitrofurantoin	22	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NUCALA SOLR	8
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	NORMOSOL-M/D5W	53	NUCALA SOSY 100 MG/ML	8
nitrofurantoin monohyd macro	22	NORMOSOL-R	53	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8
nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl CAPS	14	NUCYNTA ER TB12	5
nitroglycerin CPR	7	nortriptyline hcl SOLN	14	NUCYNTA TABS	5
nitroglycerin PT24	7	NORVIR PACK	30	NUEDEXTA	60
NITROGLYCERIN SOLN IV	7	NORVIR SOLN	30	NULOJIX	54
nitroglycerin SUBL	7			nystatin (mouth-throat)	54
NIVA-PLUS TABS	55			nystatin (topical) CREA	38
nizatidine CAPS	62			nystatin (topical) OINT	38
nizatidine SOLN	62			nystatin (topical) POWD EX	38
NORDITROPIN FLEXP SOPN 30				nystatin TABS	17
				nystatin-triamcinolone CREA	38

nystatin-triamcinolone OINT	38	ONCASPAR	27	MG/20ML	23
octreotide acetate SOLN	44	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML	17	oxandrolone	7
octreotide acetate SOSY	44	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	17	oxaprozin TABS	4
ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOSY	17	oxazepam CAPS	8
ODOMZO	24	ondansetron hcl TABS 24 MG	17	OXBRYTA TABS 500 MG	47
OFEV	61	ondansetron hcl TABS 4 MG	17	oxcarbazepine SUSP	12
ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
ofloxacin (otic)	58	ondansetron hcl TABS 8 MG	17	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron TBDP 4 MG	17	oxiconazole nitrate CREA	38
OGIVRI	24	ondansetron TBDP 8 MG	17	OXISTAT LOTN	38
olanzapine SOLR	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	55	oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	55	oxybutynin chloride TABS 5 MG	63
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	OPILL	35	oxybutynin chloride TB24	63
olanzapine TBDP 20 MG	29	OPSUMIT	33	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ORENITRAM TBCR	33	oxycodone hcl TABS	5
olmesartan medoxomil	20	ORILISSA	43	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	61	oxymorphone hcl TABS	5
olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide	20	ORKAMBI TABS	61	oxymorphone hcl TB12 40 MG	5
olopatadine hcl (nasal)	56	ORLADEYO	47	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	5
olopatadine hcl 0.1 %	58	orphenadrine citrate TB12	56	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15
olopatadine hcl 0.2 %	58	oseltamivir phosphate CAPS	31	OZEMPIC SOPN	15
omega-3-acid ethyl esters	18	oseltamivir phosphate SUSR	31	paclitaxel 150 MG/25ML	27
omeprazole CPDR	63	OSMOPREP	49	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML	27
omeprazole magnesium CPDR	62	OSPHENA	44	paclitaxel protein-bound particles	27
omeprazole TBEC	63	OTEZLA TABS	4	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG	28
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	OTEZLA TBPK	4	paliperidone 6 MG	28
OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	oxacillin sodium IV 10 GM	59		
		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100			

palonosetron hcl SOLN	17	ascorbate-ascorbic acid	49	perphenazine-amitriptyline	60
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	43	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	49	PERSERIS PRSY	28
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43		peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride	49	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP	66
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	42	PEGASYS SOLN	31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP	65
PANRETIN	38	PEGASYS SOSY	31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 65	
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 63		PEMAZYRE	26	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP	66
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 63		pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23		PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	66
paricalcitol CAPS	44	penciclovir	39	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..	66
paricalcitol SOLN	44	penicillamine CAPS	53	PHEBURANE PLLT	44
paroxetine hcl SUSP	14	penicillamine TABS	53	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	46
paroxetine hcl TABS 10 MG	14	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59		phendimetrazine tartrate TABS	1
paroxetine hcl TABS 20 MG	14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	59	phenelzine sulfate	13
paroxetine hcl TABS 30 MG	14	PENICILLIN G PROCAINE	59	phenobarbital ELIX	48
paroxetine hcl TABS 40 MG	14	penicillin g sodium	59	phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG	48
paroxetine hcl TB24 12.5 MG	14	penicillin v potassium SOLR	59	phenoxybenzamine hcl	20
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG	14	penicillin v potassium TABS	59	phentermine hcl CAPS	1
PASER PACK	23	PENTACEL	62	phenytoin CHEW	12
pazopanib hcl	26	pentazocine w/ naloxone hcl	7	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG	12
PEDIARIX SUSY	62	pentoxifylline	47	phenytoin sodium SOLN	12
pediatric multivitamins w/fl CHEW	.54	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG	. 19	phenytoin SUSP	12
PEDVAX HIB SUSP	63	perindopril erbumine 4 MG	19	PHEXXI	66
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na		PERJETA	24	PHOSLYRA SOLN	46
		permethrin CREA	41		
		permethrin LIQD EX	41		
		perphenazine TABS	29		

PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23	63	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	53
PIFELTRO	30	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	63	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	53
pilocarpine hcl (oral)	54	podofilox SOLN	41	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	46
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 56		polymyxin b sulfate SOLR	22	potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	53
pimecrolimus	41	polymyxin b-trimethoprim	57	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37
pimozide	60	POMALYST	25	pralatrexate 20 MG/ML	23
pindolol TABS	32	posaconazole SUSP	18	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 53		pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	53	prasugrel hcl	47
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 15		potassium chloride CPCR	53	pravastatin sodium	19
piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53	praziquantel	7
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L	53	prazosin hcl CAPS	20
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %	53	PRECISION XTRA	42
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride microencapsulated crystals er	53	PRED MILD	57
pirfenidone CAPS	61	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	53	PRED-G SUSP	57
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53		prednicarbate OINT	40
pirfenidone TABS 534 MG	61	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	53	prednisolone acetate (ophth)	57
piroxicam CAPS	4	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	53	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	57
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..	53			prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35	
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53			prednisolone sodium phosphate TBDP	36
PLEGRIDY SOPN	60				
PLEGRIDY SOSY SC	60				
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN . 60					
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	60				
plerixafor	48				

prednisolone SOLN	36	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55	PROGRAF PACK	54
prednisolone TABS	36	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8		PROGRAF SOLN	54
prednisone SOLN	36	MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30		PROLASTIN-C SOLN	61
prednisone TABS	36	UNIT	55	PROLASTIN-C SOLR	61
prednisone TBPk	36	PRENATRIX TABS	55	PROLEUKIN	27
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60	PRENATRYL TABS	55	PROLIA SOSY	43
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60	PREPLUS TABS	55	promethazine hcl SOLN 6.25 MG/5ML	18
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 13	63	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREVNAR 20	63	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin SOLN	12	PREZCOBIX	30	promethazine hcl SYRP	18
PREHEVBRIO	66	PREZISTA SUSP	30	promethazine hcl TABS	18
PREMARIN	66	PREZISTA TABS (darunavir)	30	propafenone hcl CP12	8
PREMARIN SOLR	45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	30	propafenone hcl TABS	8
PREMARIN TABS	45	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	30	proparacaine hcl	57
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	PRIFTIN	23	propranolol hcl CP24	32
PREMPHASE	45	primaquine phosphate TABS	22	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32
PREMPRO	45	primidone 50 MG, 250 MG	12	propranolol hcl TABS	32
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		PRIORIX SUSR	66	propylthiouracil	61
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	probenecid	47	protriptyline hcl	14
PRENATAL PLUS TABS	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		PROVISC SOSY	57
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55	prochlorperazine	29	PTS PANELS KETONE TEST	42
PRENATAL TABS	55	prochlorperazine maleate TABS ..	29	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABs	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	PULMOZYME	61
PRENATAL VITAMIN TABS	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML	48	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABs	55
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS 55		progesterone CAPS	59	pyrazinamide	23
				pyridostigmine bromide SOLN OR	22
				pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22

pyridostigmine bromide TBCR23	ranitidine hcl TABS 150 MG 62	RETEVMO 26
pyrimethamine22	ranolazine TB12 1000 MG 7	RETROVIR IV INFUSION SOLN .. 30
QC PRENATAL TABS55	ranolazine TB12 500 MG7	REXULTI 29
QINLOCK26	rasagiline mesylate28	ribavirin (hepatitis c) CAPS 31
QUADRACEL SUSP62	REALITY LATEX	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG
QUADRACEL SUSY62	CONDOMS/LUBRICATED MISC ..50	31
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50	REALITY LATEX/ULTRA	RIDAURA3
MG, 100 MG, 200 MG29	TEXTURED DEVI50	rifabutin23
quetiapine fumarate TABS 300 MG,	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	rifampin CAPS 23
400 MG29	50	rifampin SOLR 23
quetiapine fumarate TB24 300 MG,	REBIF REBIDOSE SOAJ60	riluzole TABS56
400 MG29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK	rimantadine hydrochloride TABS .. 31
quetiapine fumarate TB24 50 MG,	SOAJ60	ringer's53
150 MG, 200 MG29	REBIF SOSY60	ringer's irrigation54
quinapril hcl 20 MG, 40 MG19	REBIF TITRATION PACK SOSY ..60	RINVOQ 2
quinapril hcl 5 MG, 10 MG19	RECOMBIVAX HB SUSP66	risedronate sodium TABS 150 MG 43
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5	RECOMBIVAX HB SUSY66	risedronate sodium TABS 35 MG .43
MG-10 MG20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .7	risedronate sodium TABS 5 MG, 30
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5	REGRANEX41	MG 43
MG-20 MG20	RELENZA DISKHALER31	risedronate sodium TBEC 43
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-	RELEXXII TBCR 27 MG 2	RISPERDAL CONSTA (risperidone
20 MG20	RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG ...2	microspheres)28
quinidine sulfate TABS8	RELION KETONE TEST STRIPS	risperidone microspheres 28
quinine sulfate CAPS 324 MG22	STRP42	risperidone SOLN28
QUZYTIR SOLN IV18	RENFLEXIS46	risperidone TABS29
QVAR REDIHALER 9	repaglinide 0.5 MG, 1 MG 16	risperidone TBDP29
RA PRENATAL	repaglinide 2 MG16	ritonavir TABS30
FORMULA/FOLICACID TABS55	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM	rivastigmine tartrate CAPS59
RA PRENATAL TABS55	SOCT19	rizatriptan benzoate TABS 10 MG .52
rabeprazole sodium TBEC63	REPATHA SOSY 19	rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..52
raloxifene hcl44	REPATHA SURECLICK SOAJ19	rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .52
ramelteon49	RETACRIT 48	
ramipril CAPS19		

rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..52	2.5 MG 15	simvastatin TABS 19
roflumilast9	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG15	sirolimus TABS 54
romidepsin SOLR26	scopolamine17	SIRTURO23
ropinirole hydrochloride TABS28	SELECT INSULIN SYRINGES ...51	SIVEXTRO TABS22
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG28	SELECT LANCETS 51	SKYRIZI PEN SOAJ38
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG28	selegiline hcl CAPS28	SKYRIZI PSKT39
rosuvastatin calcium TABS 19	selegiline hcl TABS 28	SKYRIZI SOCT 46
ROTARIX SUSP66	selenium sulfide LOTN 2.5 %39	SKYRIZI SOSY 39
ROTARIX SUSR66	SELZENTRY SOLN30	SLO-NIACIN TBCR 500 MG, 750 MG (niacin) 67
ROTATEQ SOLN66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30	SLYND 35
ROZLYTREK CAPS 26	SEREVENT DISKUS10	SM PRENATAL VITAMINS TABS .55
RUBRACA26	sertraline hcl CONC14	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate) 52
RUCONEST47	sertraline hcl TABS 100 MG 14	sodium acetate SOLN 52
rufinamide SUSP12	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 % 46
rufinamide TABS 200 MG12	sevelamer carbonate PACK 46	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %36
rufinamide TABS 400 MG12	sevelamer carbonate TABS 46	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %53
RUKOBIA30	SHINGRIX66	sodium citrate & citric acid 46
RUXIENCE24	SIGNIFOR44	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG53
RYBELSUS TABS 15	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN 33	sodium phenylbutyrate POWD 44
salsalate 4	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR33	sodium phenylbutyrate TABS 44
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .44	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS33	sodium polystyrene sulfonate POWD 54
SANTYL OINT 41	sildenafil citrate33	sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML54
sapropterin dihydrochloride PACK .44	silodosin46	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate49
sapropterin dihydrochloride TABS .44	silver sulfadiazine 39	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS31
SAVELLA TABS 60	SIMPONI ARIA SOLN3	
SAVELLA TITRATION PACK MISC 60	SIMULECT 54	
saxagliptin hcl 15		
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-		

solifenacin succinate TABS	63	SPRYCEL	26	sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	57
SOLIQUA 100/33	15	stannous fluoride CONC	54	sulfadiazine TABS	61
SOLOSEC	2	stavudine CAPS	30	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	36	STELARA 130 MG/26ML	46	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21
SOLU-CORTEF 250 MG	36	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21
SOLU-MEDROL 2 GM	36	STELARA SOSY 90 MG/ML	39	STIMATE SOLN NA	44
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 43		STIOLTO RESPIMAT	10	STIVARGA	26
sorafenib tosylate	26	streptomycin sulfate SOLR	2	SULFAMYLON CREA	39
SORBITOL 3 %	46	STRIBILD	30	sulfasalazine TABS	46
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	46	STRIVERDI RESPIMAT	10	sulfasalazine TBEC	46
sotalol hcl (afib/afI)	32	SUBSYS LIQD 100 MCG	5	sulindac TABS	4
sotalol hcl TABS 240 MG	32	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6	sumatriptan	52
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	5	sumatriptan succinate SOAJ	52
SOVALDI TABS	31	sucralfate SUSP	62	sumatriptan succinate SOCT	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	66	sucralfate TABS	62	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	66	sulconazole nitrate CREA	38	sumatriptan succinate TABS	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	66	sulconazole nitrate SOLN	38	sumatriptan-naproxen sodium	51
spinosad	41	sulfacetamide sodium (acne)	37	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	8	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57		SUNOSI 150 MG	1
SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37	SUNOSI 75 MG	1
spironolactone & hydrochlorothiazide	42	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37	SYNAREL	44
spironolactone TABS	43	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37	SYNERA PTCH	41
SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37	SYNJARDY TABS	15
SPRAVATO 84MG DOSE	13			SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
				SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15
				SYNRIBO	27

TABLOID	24	temazepam	48	thiotepa 15 MG	23
TABRECTA	26	TEMODAR SOLR	23	thiothixene	29
tacrolimus (topical) OINT	41	temozolomide CAPS	23	THYMOGLOBULIN	54
tacrolimus CAPS	54	temsirolimus	27	THYROGEN 0.9 MG	41
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	TENIVAC INJ	62	tiagabine hcl	12
tadalafil 5 MG	33	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		TIBSOVO	27
TAFINLAR CAPS	26	terazosin hcl	20	tigecycline	61
tafluprost	58	terbinafine hcl TABS	17	timolol maleate (ophth) SOLG	56
TAGRISSO 40 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	10	timolol maleate (ophth) SOLN	56
TAGRISSO 80 MG	24	terbutaline sulfate TABS	10	timolol maleate TABS	32
TAKHZYRO SOLN	47	terconazole vaginal CREA	66	tiopronin TBEC 100 MG	47
TAKHZYRO SOSY	47	terconazole vaginal SUPP	66	tiopronin TBEC 300 MG	46
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	26	teriflunomide	60	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
tamoxifen citrate TABS	25	TERIPARATIDE SOPN	43	TIVICAY TABS	30
tamsulosin hcl	46	testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl CAPS	56
TASIGNA	26	testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl TABS	56
tavorole	38	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	62	tobramycin (ophth) SOLN	57
tazarotene CREA	39	tetrabenazine	60	tobramycin NEBU	2
TAZVERIK	26	tetracycline hcl CAPS	61	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2
TDVAX SUSP	62	THALOMID	53	tobramycin-dexamethasone SUSP 57	
TEFLARO	34	theophylline ELIX	10	TODAY SPONGE MISC	66
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		theophylline SOLN	10	tolcapone	28
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline TB12	10	tolmetin sodium CAPS	4
TEGSEDI	61	theophylline TB24	10	tolmetin sodium TABS 600 MG	4
telmisartan	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	55	TOLSURA CAPS	18
telmisartan-amlodipine	20	THIOLA EC TBEC 100 MG	46	tolterodine tartrate CP24	63
telmisartan-hydrochlorothiazide ...	21	THIOLA EC TBEC 300 MG	46	tolterodine tartrate TABS	63
		thioridazine hcl	29	tolvaptan TABS	45

topiramate CPSP 15 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33	triazolam	48
topiramate CPSP 25 MG	12	tretinoin (chemotherapy)	27	TRICARE TABS	55
topiramate CS24	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37	trientine hcl 250 MG	53
topiramate TABS 200 MG	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37	trifluoperazine hcl TABS	29
topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12	tretinoin microsphere 0.1 %	37	trifluridine	57
topiramate TABS 50 MG	12	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	24	trihexyphenidyl hcl SOLN	28
topotecan hcl SOLR	27	triamcinolone acetonide (mouth)	54	trihexyphenidyl hcl TABS	28
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15
torseamide TABS	43	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
TRACLEER TBSO	33	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	40	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	61
tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	40	trimethobenzamide hcl CAPS	17
tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	40	trimethoprim TABS	21
tramadol-acetaminophen	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	40	trimipramine maleate CAPS	14
trandolapril 1 MG, 2 MG	19	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	41	TRINTELLIX	14
trandolapril 4 MG	19	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	41	TRIUMEQ TABS	30
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	41	TRIZIVIR	30
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41	tropicamide SOLN 0.5 %	56
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	tropicamide SOLN 1 %	56
tranexamic acid TABS	48	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	trospium chloride CP24	63
tranylcypromine sulfate	13	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	36	trospium chloride TABS	63
travoprost SOLN	58	triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone	41	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	42
TRAZIMERA	24	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	42	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	51
trazodone hcl TABS	14	triamterene & hydrochlorothiazide TABS	42	TRUETRACK TEST STRP	42
TRECTOR	23	triamterene CAPS	43	TRULICITY	15
TRELEGY ELLIPTA	10			TRUMENBA	63
TRELSTAR MIXJECT	25			TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	50
TREMFYA SOPN	39			TRUSTEX LUBRICATED	
TREMFYA SOSY	39				

EXTRALARGE MISC	50	TYMLOS	43	vancomycin hcl CAPS	21
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	50	TYVASO REFILL SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	21
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	50	TYVASO SOLN IN	33	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML ..	21
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDD ED MISC	50	TYVASO STARTER SOLN IN	33	VAQTA	66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	50	UBRELVY	51	varenicline tartrate TABS	60
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	50	UCERIS (budesonide (intrarectal))	.7	varenicline tartrate TBPK	61
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50		UDENYCA ONBODY SOSY	48	VARIVAX INJ	66
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	50	UDENYCA SOAJ	48	VARUBI TBPK	17
TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDD ED MISC	50	UDENYCA SOSY	48	VAXNEUVANCE	63
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	51	UPTRAVI TABS 200 MCG	33	VECAMYL	21
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	51	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	33	VECTIBIX 100 MG/5ML	24
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 51		UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33		VELPHORO	46
TRUXIMA	24	ursodiol CAPS	45	venlafaxine hcl CP24 150 MG	14
TUKYSA	24	ursodiol TABS	45	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	14
TURALIO	27	UVADEX	27	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14
TUZISTRA XR	36	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	31	venlafaxine hcl TABS	14
TWINRIX SUSY	66	valacyclovir hcl 500 MG	31	venlafaxine hcl TB24 150 MG	14
TWIRLA	35	valganciclovir hcl TABS	31	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	14
TYBLUME CHEW	35	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML	13	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	32
TYBOST	30	valproic acid CAPS	13	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	32
		valrubicin	25	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	32
		valsartan TABS	20	verapamil hcl TABS	32
		valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl TBCR	32
		VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	VEREGEN	37
		VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	11	VERZENIO	27
		VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	11	VICTOZA	15
		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	11	vigabatrin PACK	12

vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	51	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	51	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	51	XTAMPZA ER
vincristine sulfate	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	51	XTANDI CAPS
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI TABS 40 MG
VIRACEPT TABS 250 MG	30	XALKORI CAPS	27	XTANDI TABS 80 MG
VIRACEPT TABS 625 MG	30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XULTOPHY 100/3.6
VIREAD POWD	30	XARELTO SUSR	10	YERVOY
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	31	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YONSA
VISTOGARD	16	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	zafirlukast
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67	XELJANZ SOLN	2	zaleplon 10 MG
VITATHELY/GINGER TABS	55	XELJANZ TABS	2	zaleplon 5 MG
VITRAKVI CAPS	27	XELJANZ XR TB24	2	ZALTRAP 100 MG/4ML
VITRAKVI SOLN	27	XEOMIN	56	ZANOSAR
VIZIMPRO	24	XERAVA	61	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .
VORAXAZE	27	XGEVA SOLN	43	ZARXIO 300 MCG/0.5ML
voriconazole TABS	18	XHANCE EXHU	56	ZARXIO 480 MCG/0.8ML
VOTRIENT (pazopanib hcl)	27	XIFAXAN	21	ZEJULA CAPS
VYNDAMAX	33	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15	ZELBORAF
VYNDAQEL	33	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT
VYVANSE CAPS	1	XOLAIR SOLR	8	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT
warfarin sodium TABS	10	XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8	zidovudine CAPS
water for irrigation, sterile	54	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8	zidovudine SYRP
WESTAB PLUS TABS	55	XOSPATA	27	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	51	XPOVIO	25	
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	51			
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	51			

zidovudine TABS	31
ZIEXTENZO	48
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	28
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	57
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid CONC	43
zoledronic acid SOLN	43
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	52
zolmitriptan TABS	52
zolmitriptan TBDP	52
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	47
ZORBTIVE SC	44
ZYDELIG	27
ZYLET	57
ZYRTEC ALLERGY TABS (cetirizine hcl)	18

Ambetter Health of New Jersey is underwritten by WellCare Health Insurance Company of New Jersey, Inc., which is a Qualified Health Plan issuer in the New Jersey Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.
© 2023 WellCare Health Insurance Company of New Jersey, Inc. All rights reserved.